

PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÙNG BIÊN GIỚI CỦA THÁI LAN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI VIỆT NAM^(*)

TS. VŨ HẢI VÂN^(**)

Ngày nhận bài: 12/4/2022

Ngày thẩm định: 25/4/2022

Ngày duyệt đăng: 20/5/2022

Tóm tắt: Nghiên cứu kinh nghiệm của Thái Lan về các mô hình phát triển kinh tế vùng biên giới, như mô hình đặc khu kinh tế biên giới, chính sách phát triển thương mại biên giới, là những vấn đề có giá trị tham khảo quan trọng đối với sự phát triển của nhiều quốc gia, đặc biệt là các quốc gia trong khu vực, trong đó có Việt Nam. Trên cơ sở nghiên cứu những thành công và hạn chế về phát triển kinh tế vùng biên giới của Thái Lan, bài viết đề xuất các khuyến nghị chính sách về phát triển kinh tế vùng biên giới Việt Nam hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Từ khóa: kinh tế vùng biên giới; Thái Lan; Việt Nam

1. Vấn đề nghiên cứu

Phát triển kinh tế khu vực biên giới hướng tới sự ổn định, hòa bình, hợp tác và phát triển là mục tiêu được nhiều quốc gia nỗ lực thực hiện, trong đó có Việt Nam, Thái Lan... Nhiều năm qua, Thái Lan là quốc gia luôn chú trọng đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng, phát huy thế mạnh kinh tế vùng biên giới, thực hiện các giải pháp an sinh xã hội nhằm nâng cao đời sống người dân... Kinh nghiệm của Thái Lan trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế vùng biên giới là bài học cho các quốc gia trong khu vực có thêm cơ sở thực tiễn theo đuổi chính sách phát triển vùng biên giới hướng tới sự ổn định, bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Kinh nghiệm của Thái Lan

- Mô hình đặc khu kinh tế biên giới (*Special Border Economic Zones-SBEZ*)

Thái Lan sở hữu lợi thế vị trí địa chiến lược ở ngã ba khu vực Đông Nam Á, tiếp giáp với nhiều quốc gia nên phát triển kinh tế biên giới luôn được Chính phủ Thái Lan đặc biệt quan tâm, nghiên cứu. Thái Lan cũng là một trong những quốc gia Đông Nam Á có chủ trương sớm nhất về phát triển kinh tế cửa khẩu với mô hình đặc khu kinh tế biên giới (SBEZ).

Kể từ năm 2014, Thái Lan đã xây dựng kế hoạch thực hiện các dự án SBEZ với mục tiêu thu hút vốn đầu tư từ các nền kinh tế lớn trong khu vực, như Trung Quốc và Nhật Bản. Theo Bloomberg, nhà đầu tư sẽ được hưởng nhiều ưu đãi như miễn thuế trong 08 năm và Chính phủ hỗ trợ chi phí điện, nước. Thái Lan kỳ vọng các SBEZ sẽ thu hẹp khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, tạo công ăn việc làm và cải thiện đời sống người dân.

^(*) Bài báo là kết quả nghiên cứu của đề tài ĐTCB. UBDT.01.20-21 thuộc Chương trình Khoa học và Công nghệ cấp Bộ

^(**) Học viện An ninh nhân dân

Tuy nhiên, sau thời gian triển khai, Chính phủ Thái Lan đã có những điều chỉnh mang tính chiến lược để triển khai hợp tác kinh tế ở khu vực biên giới. Ban đầu, SBEZ về cơ bản là một đặc khu kinh tế (Special Economic Zones - SEZ) nhưng rộng hơn về phạm vi và nội dung hoạt động. SBEZ là một khu vực địa lý được phân định ở biên giới giữa Thái Lan và các nước láng giềng hoặc nằm ở cả hai bên, được bảo đảm về mặt vật lý (có rào chắn) với cơ chế và chính sách riêng.

SBEZ được vận hành theo nguyên tắc giống như một SEZ. Đó là: (1) các nhà đầu tư được phép xuất nhập khẩu hàng hóa miễn thuế và không bị kiểm soát hối đoái; (2) thủ tục giấy phép và những quy trình theo luật định khác được tạo điều kiện thuận lợi; (3) các doanh nghiệp được miễn giảm nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng, thuế doanh nghiệp và các loại phí địa phương. Tuy nhiên, SBEZ còn có thể gồm một số thành phần hỗ trợ, như thông tin, năng lượng và các hạ tầng cơ sở mềm liên quan: (a) quản trị (luật kinh doanh và những quy định ảnh hưởng tới thuận lợi thương mại, đầu tư và tài chính); (b) hạ tầng cơ sở kinh tế (các tiện ích và hệ thống hậu cần, tài chính, các phương tiện sản xuất, lưu trữ); (c) hạ tầng xã hội (thành phố biên giới, hệ thống giáo dục, đào tạo và nghiên cứu, hệ thống phúc lợi xã hội và chăm sóc sức khỏe).

Khi phát triển SBEZ, Chính phủ Thái Lan hướng tới nhiều mục tiêu:

Thứ nhất, thu hút các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước vào SBEZ thông qua các hoạt động sản xuất, kinh doanh cùng với sự chuyển giao bí quyết và công nghệ, nhằm tạo cơ hội và tiền đề cho các doanh nghiệp địa phương tham gia vào chuỗi giá trị khu vực, từ đó thúc đẩy các hoạt động giao thương và đầu tư xuyên biên giới. Đồng thời, sự xuất hiện của các nhà đầu tư sẽ góp phần nâng cao, phát triển kỹ năng cho lực lượng lao động địa phương, từ đó

nâng cao năng suất, chuyển đổi từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thâm dụng vốn và lao động thủ công sang các hoạt động sử dụng vốn và lao động có tay nghề. Kết quả là, khu vực biên giới sẽ nhận được lợi ích từ việc tập trung vào các hoạt động có giá trị gia tăng cao hơn ở một số lĩnh vực như công nghệ thông tin liên lạc, các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh, các hoạt động dựa trên nền tảng tri thức, nghiên cứu và phát triển hơn là việc phụ thuộc vào những yếu tố đầu vào sơ cấp và nguồn lao động rẻ như các đặc khu kinh tế truyền thống.

Thứ hai, tạo việc làm và phát triển các kỹ năng cho người dân địa phương, góp phần cải thiện phúc lợi kinh tế và xã hội cho người dân ở các tỉnh biên giới.

Thứ ba, tạo chất xúc tác cho thương mại dọc hành lang biên giới Thái Lan với các nước láng giềng, hỗ trợ giao thương và đầu tư xuyên biên giới, đặc biệt là dọc các khu vực hành lang.

Thứ tư, nâng cao phát triển kinh tế và xã hội cho các tỉnh biên giới nhằm thúc đẩy hòa bình, ổn định và thịnh vượng cho dân cư địa phương.

Thứ năm, Chính phủ hy vọng SBEZ sẽ đóng vai trò như “khu vực kiểu mẫu” và hướng đến sự hội nhập rộng hơn giữa tiểu vùng và khu vực.

Từ năm 2013, Thái Lan bắt đầu thử nghiệm thành lập những SBEZ tại các tỉnh biên giới với Malaysia, Myanmar và Campuchia. Chính phủ Thái Lan đã thành lập ủy ban chuyên về đầu tư, chịu trách nhiệm đưa ra các sáng kiến thành lập SBEZ, đưa ra chính sách ưu đãi thuế và các đặc quyền đầu tư khác có liên quan đến SBEZ. Cụ thể, các nhà đầu tư đủ điều kiện được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp lên đến 08 năm; giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 05 năm tiếp theo; khấu trừ kếp từ chi phí vận chuyển, điện và nước trong 10 năm; giảm 25% chi phí xây dựng cơ sở; miễn thuế nhập khẩu đối

với máy móc, nguyên liệu đầu vào; được phép sử dụng lao động phổ thông (tay nghề thấp) người nước ngoài đối với dự án được ban xúc tiến đầu tư cấp phép; được phép đưa chuyên gia và nhân viên kỹ thuật người nước ngoài cùng với vợ, chồng và người phụ thuộc vào Thái Lan. Ngoài các ưu đãi trên, các công ty trong SBEZ có thể thuộc sở hữu hoàn toàn của nước ngoài mà không yêu cầu phải có giấy phép kinh doanh nước ngoài, do đó, giảm thiểu chi phí và thời gian cần thiết cho các công ty thực hiện các hoạt động kinh doanh.

Chính phủ cung cấp đầy đủ các ưu đãi cho doanh nghiệp hoạt động trong 13 ngành công nghiệp nằm trong bất kỳ khu vực kinh tế trong số năm SEZ đang hoạt động. Mỗi SEZ đều có các ngành công nghiệp mục tiêu riêng được quyết định và phân loại theo thể mạnh về vị trí địa lý. 13 ngành công nghiệp bao gồm: thủy sản và các doanh nghiệp liên quan; gốm sứ; hàng may mặc, hàng dệt và da thuộc; nội thất; trang sức và phụ kiện thời trang; thiết bị y tế; ô tô, động cơ và các bộ phận; điện gia dụng và điện tử; chất dẻo; sản phẩm y tế; kho vận; khu công nghiệp; các hoạt động hỗ trợ du lịch. Ví dụ, đặc khu ở tỉnh phía Nam Songkhla được lập kế hoạch trở thành trung tâm chế biến hải sản và cao su; đặc khu ở tỉnh Tak và Mukdahan vốn nằm dọc trên Hành lang kinh tế Đông - Tây sẽ tập trung phát triển dệt may và logistics (dịch vụ hậu cần)...

Mặc dù kế hoạch thành lập các SBEZ đã hình thành từ đầu năm 2013, nhưng đến nay, SBEZ vẫn chưa phát triển như kỳ vọng, do vấp phải quan ngại về vấn đề an ninh, cùng tình trạng đầu cơ bất động sản đã đẩy chi phí tăng lên vượt dự tính ban đầu. Đồng thời, mô hình đặc khu ở các tỉnh biên giới cũng không bảo đảm khả năng cạnh tranh với những nước láng giềng dọc sông Mekong. Hàng hóa từ những nền kinh tế đang phát triển, như Myanmar,

Lào, Campuchia và Việt Nam, có thể được miễn thuế nhập khẩu vào Liên minh châu Âu (EU). Trong khi đó, Thái Lan với vị thế một nền kinh tế phát triển hơn phải đối diện với mức thuế gần 30% đa số các mặt hàng nhập khẩu vào EU. Một số mặt hàng có thể chịu thuế lên đến 100%. Đây là một trong những lý do khiến nhiều nhà đầu tư nước ngoài quay lưng với các dự án SBEZ ở Thái Lan.

Bên cạnh đó, chất lượng hạ tầng cơ sở ở các khu vực biên giới có sự chênh lệch đáng kể, một số khu vực đòi hỏi phải cải thiện nhiều về hạ tầng cơ sở cơ bản và dịch vụ hải quan. Vì lý do này, các khu vực biên giới giáp Lào và Campuchia rất im ắng và ít nhận được sự quan tâm từ các nhà đầu tư nước ngoài. So với các dự án thúc đẩy đầu tư khác, các ưu đãi đầu tư SBEZ không có nhiều khác biệt và chưa đủ hấp dẫn để các nhà đầu tư rót tiền vào một khu vực ở xa Thủ đô Bangkok như các vùng biên giới. Các SBEZ cũng phải đối mặt với vấn đề môi trường. Mặc dù đã có chính sách nhằm thúc đẩy sản xuất thân thiện với môi trường, như các ưu đãi thuế cho phép khấu trừ hai lần chi phí vận tải, điện và nước trong 10 năm nhưng những ưu đãi này chưa đủ để tạo động lực cho nhà đầu tư quan tâm đến bảo vệ môi trường, hay có ý thức tiết kiệm trong việc sử dụng điện, nước. Một điểm bất hợp lý là SBEZ khuyến khích các ngành sử dụng nhiều lao động. Đây là điểm trái ngược hoàn toàn với chính sách đầu tư của các quốc gia khác khi chú trọng vào những ngành sử dụng nhiều vốn hay công nghệ.

Trước tình hình đó, Chính phủ Thái Lan đã tiến hành điều chỉnh chiến lược phát triển các SBEZ theo hướng tăng cường đầu tư và phát triển hạ tầng cơ sở, tăng cường hợp tác kinh tế biên giới, phát triển SBEZ theo hướng học tập từ các nước láng giềng và đẩy mạnh hợp tác hơn là cạnh tranh. Bên cạnh đó, Chính phủ nước này đang lên kế hoạch

phát triển những khu vực biên giới thay vì tiếp tục theo đuổi mô hình xây dựng SBEZ. Chiến lược này nhằm thúc đẩy xuất khẩu, đồng thời tạo thêm việc làm cho người dân, thu hẹp chênh lệch giữa nông thôn và thành thị. Đồng thời, Chính phủ Thái Lan đã có kế hoạch và chú trọng nhiều hơn vào các dự án xây dựng đường sắt kết nối khu vực, cải thiện giao thông và hậu cần ở các vùng tiếp giáp biên giới để thúc đẩy thương mại và đầu tư tại các đặc khu của những nước láng giềng. Đầu tư của doanh nghiệp Thái Lan vào hàng hóa xuất khẩu từ các nước láng giềng cũng tránh được hàng rào thuế quan của EU. Trước mắt, nước này sẽ đầu tư vào hạ tầng cơ sở phục vụ hậu cần tại tỉnh Mukdahan. Khu vực này nằm sát biên giới với Lào, gần đặc khu kinh tế Savan Seno của nước láng giềng, bởi việc cải thiện hạ tầng cơ sở phục vụ hậu cần sẽ tạo điều kiện để nhà đầu tư Thái Lan quan tâm đến các dự án của Lào và hàng xuất khẩu từ nước này, giúp tận dụng lợi thế thuế nhập khẩu 0% vào thị trường EU. Chính phủ Thái Lan dự tính đầu tư vào các cơ sở phục vụ thương mại và hậu cần ở những tỉnh biên giới phía Tây và phía Bắc, gần thành phố Dawei và thành phố Myawaddy của Myanmar (dự án SBEZ Mae Sot). Thái Lan kỳ vọng thương mại với Myanmar sẽ tăng gấp đôi từ giờ đến năm 2026, đạt 12 tỷ USD.

- Về chính sách phát triển thương mại biên giới

Trong phát triển kinh tế biên giới, Chính phủ Thái Lan luôn coi trọng phát triển giao thương với các nước láng giềng, thực hiện chính sách phát triển thương mại biên giới khá đa dạng về mục tiêu đặt ra.

Một là, Chính phủ Thái Lan đã đặt mục tiêu tăng khối lượng và giá trị thương mại qua biên giới và giao thương quá cảnh nhằm liên tục bắt nhịp với sự phát triển kinh tế các nước trong khu vực sông Mekong (GMS).

Hai là, Thái Lan tiến hành thực hiện cải cách hoạt động thương mại biên giới

đối với hệ thống tiêu chuẩn quốc tế nhằm giải quyết vấn đề thương mại biên giới, cải thiện tốc độ tiến hành thủ tục hải quan, cũng như hỗ trợ phát triển mở rộng hạ tầng cơ sở cần thiết đối với các nước láng giềng.

Ba là, xây dựng chiến lược hợp tác kinh tế tiểu vùng sông Mekong với mục tiêu giảm bớt các rào cản thương mại, cải thiện mối liên kết giao thông và nâng cấp cửa khẩu chính.

Bốn là, thúc đẩy ký kết các hợp đồng nông nghiệp với các nước lân cận để tăng nguồn cung nguyên liệu cho các ngành công nghiệp và năng lượng cả trong khu vực biên giới, cũng như từng khu vực bên trong Thái Lan.

Năm là, tích cực đàm phán về chế độ thương mại quá cảnh (tạm nhập, tái xuất) với các nước, như Lào, Myanmar và Việt Nam, nhằm tạo điều kiện khơi thông dòng chảy hàng hóa của thị trường các nước lân cận trong khu vực Đông Nam Á và Đông Bắc Á.

Sáu là, ở cấp độ song phương, các mô hình thương mại qua biên giới với từng nước rất đa dạng.

Thương mại biên giới của Thái Lan với các nước lân cận được hỗ trợ bởi hệ thống logistics trong khu vực GMS. Hệ thống này được coi là ngành đặc biệt quan trọng để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và hội nhập khu vực của Thái Lan. Phát triển một hệ thống logistics kết nối và hiệu quả thông qua cải thiện hiệu suất và giảm chi phí là một thành tố quan trọng cho cạnh tranh quốc tế.

Qua nghiên cứu về phát triển kinh tế biên giới của Thái Lan, có thể thấy, hiệu quả của SBEZ với mục đích thu hút đầu tư, thúc đẩy giao thương biên giới, tạo việc làm, đóng góp vào xóa đói, giảm nghèo ở các tỉnh biên giới là chưa thực sự rõ ràng. Mặc dù vậy, SBEZ có nhiều tiềm năng để trở thành động lực tăng trưởng và là khu vực để thử nghiệm các cơ chế, chính sách. SBEZ có thể mang đến

những tác động tích cực nhờ vào việc nâng cao khả năng hội nhập với chuỗi cung ứng toàn cầu, mặc dù để tận dụng tối đa lợi ích này đòi hỏi sự phối hợp giữa chính quyền ở hai bên biên giới. Ngân hàng châu Á (2016) chỉ ra, các SBEZ dọc biên giới Thái Lan nói riêng và dọc hành lang GMS nói chung đều đối mặt với vấn đề là thiếu sự phối, kết hợp giữa SBEZ ở hai phía biên giới. Thậm chí, các SBEZ trước đây ở phía Thái Lan mang đến cảm giác cạnh tranh để phát triển với các khu vực bên kia đường biên giới. Nếu không có sự hợp tác và đối thoại với chính phủ giữa hai nước láng giềng, SBEZ không thể có được đầy đủ các lợi thế của khu vực biên giới.

Chiến lược phát triển SBEZ cũng đóng vai trò quan trọng. Điều này có thể rút ra từ thất bại của Chính phủ Thái Lan trong kế hoạch phát triển SBEZ giai đoạn đầu, khi xác định cạnh tranh thay vì hợp tác với phía bên kia biên giới. Trường hợp của SBEZ Savan - Seno chỉ bắt đầu phát triển mạnh từ năm 2016, rất lâu sau khi được thành lập và vài năm sau khi ban quản lý SBEZ đưa nhà phát triển Malaysia về đây. Thực tế của Savan - Seno cho thấy, sự phát triển đòi hỏi một quá trình, nhưng cơ bản phải có kết cấu hạ tầng tốt và dịch vụ công thuận lợi để thu hút được các nhà đầu tư. Savan Park trong SBEZ Savan - Seno là một khu công nghiệp theo mô hình tư nhân quản lý, mất 03 - 04 năm để chuẩn bị trước khi nhà máy đầu tiên hoạt động ở đây và thêm 03 - 04 năm nữa thì khu công nghiệp này mới vận hành thành công. Điều kiện quan trọng là kết cấu hạ tầng đạt yêu cầu (từ trước khi đặt các nhà máy và kể cả việc nâng cấp, bảo trì cơ sở vật chất trong quá trình hoạt động) và quản lý tốt.

3. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong hợp tác, phát triển kinh tế vùng biên giới

Thứ nhất, coi trọng hợp tác qua biên giới là điểm chung trong chính sách phát triển

biên giới của các quốc gia. Tùy thuộc vào mức độ quan hệ và đàm phán giữa hai quốc gia sẽ quyết định mức độ hợp tác trong phát triển kinh tế biên giới. Đối với phát triển kinh tế biên giới, hợp tác giữa hai quốc gia có thể là những thỏa thuận về tạo thuận lợi thương mại biên giới, hợp tác xây dựng hạ tầng giao thông kết nối, hợp tác trong quản lý xuất nhập cảnh của người lao động, hợp tác quản lý trong các khu kinh tế đặc biệt hay hợp tác để cùng giải quyết các vấn đề biên giới, như di cư, lao động, thương mại bất hợp pháp qua biên giới.

Vấn đề hợp tác giữa chính quyền hai bên biên giới là đặc biệt cần thiết. Nếu không có sự hợp tác, đối thoại giữa hai chính quyền sẽ không có sự thống nhất trong nhận thức và hành động để giải quyết các vấn đề xuyên biên giới, các đặc khu kinh tế có thể sẽ không khai thác được đầy đủ các lợi thế của khu vực biên giới. Bởi, biên giới ngụ ý cho sự gián đoạn kinh tế, nên các đặc khu kinh tế với cơ chế đặc thù có thể giúp các doanh nghiệp liên kết và tham gia vào các chuỗi cung ứng toàn cầu. Sự thành công của các đặc khu kinh tế ở biên giới có thể đến nhanh như SBEZ Mae Sot ở Thái Lan, hoặc cần một quá trình lâu dài như SBEZ Savan - Seno.

Thứ hai, để phát triển kinh tế khu vực biên giới, chủ trương chung của các quốc gia là xây dựng và phát triển các mô hình đặc khu kinh tế tại khu vực biên giới với những cơ chế, chính sách riêng, đặc thù cùng nhiều ưu đãi để thu hút các dự án đầu tư nước ngoài vào khu vực này. Từ đó, tạo ra việc làm, thu nhập cho người dân, thúc đẩy khu vực biên giới phát triển. Kinh nghiệm thành công cũng như thất bại của Thái Lan chỉ ra, để phát triển thành công các khu kinh tế đặc biệt thì các cơ chế ưu đãi về thuế, đất, tài chính chỉ là điều kiện cần, chưa đủ để bảo đảm chắc chắn cho sự thành công. Quan trọng hơn, cần phải có hạ tầng kỹ thuật đạt tiêu chuẩn, thuận lợi, đầy đủ các dịch vụ cơ

bản và cơ chế quản lý tốt. Cơ chế quản lý trong đặc khu kinh tế có thể là do nhà nước hoặc tư nhân quản lý và vận hành. Các đặc khu được vận hành bởi tư nhân thường tỏ ra năng động và hiệu quả hơn.

Khu vực biên giới thường là vùng xa trung tâm, địa hình hiểm trở, giao thông kết nối không thuận lợi, hạ tầng kỹ thuật còn yếu. Vì vậy, để thúc đẩy khu vực này phát triển, tất yếu phải đầu tư vào kết cấu hạ tầng, như giao thông kết nối với trung tâm/khu vực kinh tế của nội địa, cũng như kết nối với khu vực và quốc tế, kết nối với các hành lang kinh tế xuyên biên giới. Không chỉ vấn đề giao thông kết nối, các hạ tầng kỹ thuật khác cũng rất cần đầu tư, phát triển, như điện, nước sạch, năng lượng, các dịch vụ giáo dục, y tế, giải trí... Không chỉ phát triển hạ tầng kỹ thuật để thu hút các dự án đầu tư, ngay cả trong quá trình các dự án đi vào hoạt động thì việc bảo trì và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật cũng cần được tiến hành thường xuyên, định kỳ. Kinh nghiệm này được rút ra từ đặc khu kinh tế Savan - Seno ở khu vực biên giới Lào - Thái Lan.

Thứ ba, phát triển thương mại tại khu vực vùng biên giới. Kinh nghiệm từ Thái Lan cho thấy, để phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới, cần có các giải pháp tận dụng lợi thế so sánh của các vùng này, như phát triển thương mại với các quốc gia láng giềng. Nhằm thúc đẩy phát triển thương mại nói chung và thương mại khu vực biên giới, miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc nói riêng thời gian tới, Chính phủ, bộ, ngành Trung ương cần tiếp tục hỗ trợ kinh phí cho các địa phương để đầu tư, xây dựng hạ tầng cơ sở, dịch vụ thương mại cho khu vực cửa khẩu, biên giới. Mặt khác, địa phương cần đề nghị Bộ Công thương tiếp tục quan tâm bố trí kinh phí hỗ trợ để thực hiện các hoạt động phát triển, xúc tiến thương mại tại những khu vực vùng sâu, vùng xa, biên giới; tập trung

hỗ trợ thương nhân, phát triển phương thức kinh doanh, mặt hàng thiết yếu chủ lực; thành lập các chợ biên giới tại vùng đặc biệt khó khăn nhằm giúp thúc đẩy phát triển thương mại nói riêng và kinh tế - xã hội và đời sống của nhân dân nói chung.

Thứ tư, bảo đảm an ninh khu vực vùng biên giới. Việc phát triển kinh tế phải gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia, sẵn sàng ứng phó có hiệu quả với các thách thức an ninh phi truyền thống. Xây dựng một xã hội trật tự, an toàn, dân chủ gắn với giữ vững kỷ cương, kỷ luật, thượng tôn pháp luật. Mở rộng và nâng cao hiệu quả quan hệ đối ngoại, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, vừa giữ vững chủ quyền biên giới, vừa tăng cường hợp tác, cạnh tranh và hội nhập quốc tế □

(1) và (2) Montague Lord, Pawat Tangtrongita (2014), *Special Border Economic Zone (SBEZ) in the Indonesia-Malaysia-Thailand Growth Triangle (IMT-GT)*, MPRA Paper No.61060

(3) và (4) <https://asia.nikkei.com/Economy/Thailand-scrapes-new-economic-zones-and-plans-regional-linkups>

(5) ADB (2016), *The Role of Special Economic Zones in Improving Effectiveness of GMS Economic Corridors, Philippines*